

VÙNG ĐẤT HÀ TIÊN VÀ VIỆC MỞ RỘNG LÃNH THỔ, XÁC LẬP CHỦ QUYỀN VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA CHÚA NGUYỄN Ở NAM BỘ

Ngô Văn Lê

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn –
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

TÓM TẮT

Trong quá trình mở rộng lãnh thổ phía Nam của Tổ quốc Việt Nam, mỗi một sự kiện diễn ra trên vùng đất mới, đều có một ý nghĩa quan trọng góp phần mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn. Vùng đất Hà Tiên là một trong những địa phương góp phần rất tích cực và có hiệu quả của quá trình mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn trên vùng đất mới. Đã có nhiều bài viết đề cập đến sự kiện này. Bài viết của chúng tôi, thêm một lần nữa phân tích vai trò của vùng Hà Tiên trong việc mở rộng chủ quyền, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ. Đồng thời, cũng nói lên một thực tế là các cộng đồng cư dân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đã có những đóng góp nhất định trong quá trình mở cõi. Không phải ngày nay, sau khi đã trải qua mấy trăm năm cùng cộng cư, cùng chia sẻ khó khăn trong quá trình dựng nước và giữ nước mới có mối quan hệ gắn bó, mà trái lại, ý thức về một cộng đồng thống nhất đã được hình thành ngay từ những ngày đầu mở cõi.

Từ khóa: lãnh thổ, xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền

*

Vào năm 1820 Hà Tiên là một vùng lãnh thổ rất rộng lớn bao gồm một số tỉnh như Cà Mau, Kiên Giang, An Giang và có cả vùng lãnh thổ thuộc Campuchia ngày nay, trong Nam Kỳ lục tỉnh. Từ năm 1899, thực dân Pháp chia Hà Tiên thành 7 tỉnh. Do những thay đổi trong hệ thống tổ chức hành chính, mà ngày nay Hà Tiên là một huyện của tỉnh Kiên Giang. Người ta biết đến Hà Tiên không chỉ bởi những địa danh, những thắng cảnh hang động đẹp, rất có giá trị cho du lịch, mà còn bởi vào năm 1708, Mạc Cửu, người đứng đầu khu vực này, đã xin cho Hà Tiên được thuộc vùng đất của chúa Nguyễn, chịu thần phục chúa Nguyễn. Chính sự kiện này đã góp phần rất lớn cho việc mở rộng vùng lãnh thổ và xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn (Việt Nam) đối với

toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long (vào năm 1757). Sau năm 1708, tại vùng đồng bằng sông Cửu Long đã diễn ra nhiều sự kiện, để rồi vào năm 1802 khi Nguyễn Ánh lên ngôi, mở đầu cho một triều đại mới thì lãnh thổ Việt Nam đã được xác định từ mục Nam Quan đến mũi Cà Mau. Bài viết của chúng tôi không đi sâu phân tích tiến trình phát triển của Hà Tiên, mà chỉ trên nền tảng là vào năm 1708 Mạc Cửu chịu thần phục chúa Nguyễn để phân tích ý nghĩa của sự kiện này và sự phát triển của Hà Tiên sau đó, đối với việc mở rộng, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn, nhà Nguyễn (Việt Nam) tại Nam Bộ - một phần lãnh thổ không thể chia cắt của Việt Nam.

1) Trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại xảy ra một hiện tượng vừa mang tính xã hội, vừa thể hiện quá trình phát triển tộc người, đó là hiện tượng di dân (migration). Có lẽ trong quá trình phát triển lịch sử của mình, không có một quốc gia nào trên thế giới (và cũng có thể nói không có một tộc người nào trên thế giới) mà lại không xảy ra quá trình di dân với những nguyên nhân kinh tế, chính trị, xã hội hết sức khác nhau. Những đợt di dân xảy ra thường xuyên với thời gian và cường độ khác nhau, đã làm thay đổi lãnh thổ tộc người và cơ cấu dân cư, bức tranh văn hóa của một khu vực (quốc gia) cũng xuất hiện những gam màu khác nhau. Một khi xảy ra những cuộc di dân lớn có thể làm nảy sinh những cộng đồng tộc người mới với những lãnh thổ tộc người cũng được tổ hợp lại. Cuộc di dân của người Thái về phương Nam đã làm thay đổi cơ cấu tộc người và địa bàn cư trú của cư dân bản địa. Cuộc di dân lớn của người Thái xuống phía Nam, một mặt đã xé nhỏ cộng đồng người Thái phân tán họ thành nhiều bộ phận khác nhau sinh sống ở các vùng lãnh thổ khác nhau (như ở Trung Quốc, Lào, Việt Nam, Thái Lan). Mặt khác, chính cuộc di dân này đã xác lập vai trò chủ đạo trong dòng chảy văn hóa của người Thái ở Thái Lan, nhưng lại xé nhỏ địa bàn cư trú của các cộng đồng tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, những cư dân đã cư trú tại vùng đất này trước khi người Thái đến. Nhưng một khi xảy ra những cuộc di dân, thì chính quá trình này đã dẫn đến những thay đổi tại địa bàn định cư mới, bởi vì, giữa cư dân bản địa và cư dân mới đến trong quá trình cộng cư đã xảy ra quá trình giao lưu kinh tế, văn hóa. Tùy theo tỷ lệ tương quan giữa dân di cư với cư dân bản địa có thể thể xảy ra quá trình đồng hóa (assimilation), nếu lượng người nhập cư quá ít, hoặc xích gần nhau, liên kết, tích tụ (integration). Nhưng không ít những trường hợp những nhóm di dân đến nơi mới định cư có kết thành những “ốc đảo” dị ứng với môi trường tộc người xung quanh. Những trường hợp như vậy thường thấy ở cộng

đồng cư dân theo một tôn giáo, khi phải di cư đến một nơi nào đó, sống xen kẽ với những cộng đồng cư dân theo tôn giáo khác họ, thì nhóm cư dân này thường chọn lối sống khép kín, tách biệt với cư dân bản địa, bảo lưu và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống.

2) Người Hoa di cư đến Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á vào các thời điểm khác nhau với những mức độ dân di cư cũng hết sức khác nhau (thí dụ như ở miền Bắc Việt Nam người Hoa có thể di cư trong thời lý Bắc thuộc, nhưng ở miền Nam thường lấy mốc thời gian 1679). Nhưng sự di cư này đạt tới đỉnh cao, có lẽ, vào thế kỷ XX, do những biến động lịch sử rất lớn xảy ra tại Trung Quốc. Ở Đông Nam Á hiện nay có khoảng trên 20 triệu người Hoa sinh sống ở tất cả các quốc gia trong vùng. Có những nước người Hoa chiếm một tỷ lệ cao, có vai trò và ảnh hưởng đến sự phát triển của quốc gia đó không chỉ ở phương diện kinh tế, mà cả ở phương diện văn hóa (như Singapore, người Hoa chiếm trên 70 % dân số cả nước; Malaysia người Hoa cũng chiếm gần 30 % dân số cả nước). Còn ở một số nước khác, (như Việt Nam), cũng có tới hàng triệu người Hoa sinh sống, làm các nghề khác nhau, nhưng có vai trò không nhỏ trong nền kinh tế của các quốc gia.

Người Hoa có mặt tại đến Việt Nam là do những biến động xảy ra ở Trung Quốc, do tranh giành quyền lực, do những cuộc khởi nghĩa nông dân bị đàn áp, do việc điều động các quan cai trị. Quá trình di cư của người Hoa đến Việt Nam xảy ra rất sớm, xác định một thời điểm cụ thể là rất khó. Nhưng theo chúng tôi, quá trình đó đã xảy ra ít nhất từ đầu thế kỷ thứ II trước công nguyên, khi mà lãnh thổ Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính chia thành quận huyện. Để có thể xác lập và duy trì bộ máy cai trị cần phải có một số lượng quan lại và binh lính tương ứng. Quá trình di cư của người Hoa đến Việt Nam kéo dài cho đến cuối những năm 40 của thế kỷ XX. Do di cư kéo dài hàng thế

kỷ với những thân phận hết sức khác nhau, nên địa bàn cư trú của người Hoa rất rộng, một bộ phận đã bị Việt hóa. Nam Bộ là vùng đất mới so với các khu vực khác của Việt Nam. Quá trình Nam tiến, xác lập chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất này diễn ra trong một giai đoạn khá dài. Từ cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, đã có một số lưu dân Việt đến vùng Mô Xoài (Bà Rịa), Đồng Nai (Biên Hòa) khai đất hoang lập ra những làng Việt đầu tiên trên vùng đất Nam Bộ. Sự có mặt ngày càng đông lưu dân Việt cùng với việc các chúa Nguyễn càng ngày càng lớn mạnh có ảnh hưởng vượt ra khỏi vùng lãnh thổ trước đây, đã góp phần tạo những cơ hội cho người Hoa có mặt tại vùng đất Nam Bộ. Theo sử liệu vào năm 1679 chúa Nguyễn cho phép Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, những người không chịu làm tôi nhà Thanh, dẫn 3000 và gia đình sang sinh sống ở Đồng Nai - Gia Định. Nhưng vào thời điểm này trong suy nghĩ của họ, Nam Bộ chỉ là trạm dừng chân tại một thời gian, sau khi xây dựng lực lượng sẽ trở về Trung Quốc khôi phục lại nhà Minh. Đây cũng là điểm khác biệt so với sự có mặt của người Hoa ở các tỉnh phía Bắc. Do hai vùng lãnh thổ sát cạnh kề nhau, lại do nhu cầu giao thương, nên người Hoa chắc chắn đã có mặt trên lãnh thổ Việt Nam từ rất sớm, có thể trước năm 217 trước công nguyên, khi đó Việt Nam chưa bị các thế lực phong kiến phương Bắc xâm lược cai trị. Trong một ngàn năm Bắc thuộc với chính sách đồng hóa khốc liệt của phong kiến phương Bắc, chắc chắn có nhiều đợt di dân từ Trung Hoa sang Việt Nam. Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khác như hạn hán mất mùa, những trận dịch, chiến tranh liên miên giữa các tập đoàn phong kiến cũng làm cho nhiều vùng gặp khó khăn, làm cho dân phiêu tán di dân đến vùng đất phương Nam (Việt Nam). Cuối cùng, nhu cầu buôn bán giao thương giữa các vùng, cũng là nguyên nhân dẫn đến việc nhiều đoàn người di chuyển từ Trung Hoa đi đến các vùng khác để buôn bán, trong đó có Việt Nam.

Tuy nhiên, những đợt di dân đó diễn ra chủ yếu là các tỉnh phía Bắc, nối tiếp giáp và cũng là vùng đất bị các thế lực phong kiến phương Bắc xâm lược cai trị chia thành các quận huyện. Còn ở phương Nam tình hình có khác, những đoàn người nhập cư chủ yếu, lại là những người mong muốn khôi phục lại vương triều đã bị phế truất. Họ là những quan lại, binh lính trung thành với nhà Minh, trong lúc khó khăn, sa cơ lỡ vận, muốn ra nước ngoài chuẩn bị lực lượng trở về khôi phục lại nhà Minh, chống lại nhà Thanh. Nhưng năm tháng trôi đi, nhà Thanh không những không yếu đi, mà trái lại, ngày càng mạnh lên xác lập một cách vững chắc địa vị thống trị của mình ở Trung Quốc. Trong khi đó, những người Hoa đến Việt Nam không lớn mạnh được bao nhiêu, lại mất đi chỗ dựa ở Trung Quốc, nên khi đã hết mọi hy vọng khôi phục lại vương triều cũ, họ đành phải ở lại vùng đất xa xôi. Bộ phận người Hoa này phần lớn đã hòa nhập vào với cư dân bản địa do quá trình hôn nhân dị tộc (khác tộc) hoặc là kết hôn với người Việt hoặc với người Khmer và chính họ cũng có nhiều đóng góp cho quá trình khai hoang, lập làng ở vùng đất mới Nam Bộ.

3) Vào cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ XVII có một bộ phận người Hoa do Mạc Cửu đứng đầu đã đến vùng Hà Tiên ngày nay. Mạc Cửu là một thương nhân, làm chủ thuyền buôn người châu Lôi, tỉnh Quảng Đông, thường lui tới các nước trong vùng Đông Nam Á (như Lữ Tống - Philippines, Chà Và - Indonesia, Chân Lạp). Ông không phải là quan chức, nhưng khi nhà Minh hết hy vọng khôi phục lại vương quyền, khi đó đã rơi vào tay người Mãn Thanh, Mạc Cửu đã đến ở hẳn Chân Lạp (vùng Hà Tiên ngày nay) và nhận một chức quan tại triều đình Chân Lạp. Vùng này là nơi lui tới của những người buôn bán, nên Mạc Cửu đã mở sòng bài, thu thuế, đồng thời chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi xung quanh lập thành 7 xã thôn. Theo truyền thuyết vùng đất này thường có người tiên hay hiện ra nên đặt tên là Hà Tiên. Với khả

năng tổ chức quản lý của một viên quan, Mạc Cửu đã xác lập được sự cai quản của mình một vùng đất Hà Tiên rộng lớn bao gồm các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau ngày nay và còn bao gồm cả một phần thuộc lãnh thổ Campuchia, dần dần trở thành vùng cát cứ hoàn toàn độc lập không phụ thuộc vào chính quyền Chân Lạp. Sở dĩ có tình hình như vậy là vì, trên danh nghĩa vùng đất này thuộc quyền quản lý của Chân Lạp sau khi Phù Nam suy tàn. Phù Nam là quốc gia của cư dân nói ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo, có một giai đoạn phát triển trở thành đế chế lớn mà lãnh thổ là một vùng rộng lớn bao gồm một phần lãnh thổ của Nam Lào, Campuchia, Nam Bộ Việt Nam và một phần hạ lưu sông Mê Nam. Nhưng sau đó do những biến cố lịch sử, mà chủ yếu là sự tranh giành quyền lực làm cho Phù Nam suy yếu, bắt đầu quá trình tan rã. Lợi dụng tình hình này, Chân Lạp - vương quốc của người Khmer ở lưu vực sông Mê Công và Bắc Biển Hồ, vốn là thuộc quốc của Phù Nam, đã nhanh chóng phát triển thành một vương quốc độc lập (vào cuối thế kỷ VI), nhân lúc Phù Nam suy yếu, đã chiếm một phần lãnh thổ của đế chế này vào đầu thế kỷ. Phần lãnh thổ đó chính là khu vực tương đương với Nam Bộ của Việt Nam ngày nay. Như vậy, có thể thấy sau khi Phù Nam suy tàn, vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày nay, về danh nghĩa, đặt dưới quyền kiểm soát của Chân Lạp, nhưng trên thực tế Chân Lạp chưa hề và không thể quản lý trực tiếp, thực thi quyền lực của mình tại vùng đất này (như xây dựng tổ chức chính quyền, quản lý đất đai và cư dân cũng như tổ chức sản xuất). Cho đến cả giai đoạn sau này, khi Chân Lạp đã trở thành quốc gia cường thịnh, nhưng Chân Lạp vẫn không quan tâm đến việc cai quản và phát triển vùng đất, mà sử sách thường nói đến là Thủy Chân Lạp, một cách đầy đủ. Bằng chứng là Châu Đạt Quan vào thế kỷ XIII, trong sách “*Chân Lạp phong thổ ký*” đã mô tả vùng này “toàn là cây mây cao vút, cỏ thụ cát vàng, lau sậy trắng” và “xa hơn tầm mắt toàn là cỏ kê đầy rẫy, hàng trăm, hàng

ngàn trâu bò tụ hợp từng đàn”. Ba bốn thế kỷ sau cảnh quan vùng đất này cũng không có gì thay đổi vẫn hoang vu, rậm rạp, sinh lầy, là nơi trú ngụ của côn trùng và muông thú. Trong khoảng gần 10 thế kỷ (VII-XVI) do những tranh chấp trong nội bộ cũng như do các cuộc chiến tranh, nên một phần lớn lãnh thổ của vương quốc Phù Nam trước đây, đã không được chính quyền Chân Lạp chú ý và trở nên hoang tàn. Những kết quả khảo cổ học ở hầu hết các tỉnh cho thấy trong vòng 10 thế kỷ (VII-XVI), dấu ấn của người Khmer trên vùng đất Nam Bộ là hết sức mờ nhạt.

Vùng đất Hà Tiên dưới quyền cai quản của Mạc Cửu ngày càng phát triển độc lập với chính quyền Chân Lạp, nhưng ở giai đoạn đầu hầu như chưa bị chi phối bởi các chúa Nguyễn. Trong khi đó vùng đất Nam Bộ vào thời kỳ này đã trở thành nơi tranh chấp ảnh hưởng và quyền bính giữa hai thế lực của vương triều Chân Lạp và chúa Nguyễn, mà diễn biến của thực tế tranh chấp này có chiều thuận lợi cho chúa Nguyễn, khi Mạc Cửu là một người có ảnh hưởng ở Hà Tiên đã tự nguyện dâng vùng đất này cho chúa Nguyễn, chịu sự thần phục chúa Nguyễn. Sự kiện này xảy ra vào năm 1708, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới ở Nam Bộ.

Tại sao có sự kiện này? Như chúng ta đã biết, người Việt vì nhiều lý do đã có mặt ở vùng Đồng Nai - Gia Định từ đầu thế kỷ XVII. Ở những giai đoạn sau khi người Việt ngày càng đông không chỉ có mặt ở vùng Nam Bộ ngày nay, mà còn ở Campuchia, Thái Lan, đã làm tăng lên sức mạnh chính trị, quân sự của chúa Nguyễn. Điều đó được đánh dấu bằng sự kiện là vào năm 1698, chúa Nguyễn đã chính thức hợp thức hóa về mặt nhà nước tại vùng Đồng Nai - Gia Định, sáp nhập hẳn vào lãnh thổ Đàng Trong, đặt hai dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định), tổ chức các đơn vị hành chính và bộ máy chính quyền đến tận các thôn xã, thực thi quyền lực nhà nước trong việc quản lý đất đai, hộ khẩu, trưng thu các nguồn lợi tự nhiên và thu thuế qua việc trao đổi với thương nhân

nước ngoài. Sự phát triển mạnh mẽ của vùng đất này về mọi mặt đã có tác động đến các vùng khác, trong đó có Hà Tiên. Việc Mạc Cửu tự nguyện dâng vùng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn và chịu sự thần phục, góp phần đẩy nhanh quá trình xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn tại vùng đất này. Từ năm 1708 cho đến khi trên căn bản khu vực biên giới Tây Nam Việt Nam được hoạch định vào năm 1757, phải trải qua gần 50 năm, đó là khoảng thời gian không ngắn với nhiều biến cố. Nhưng có một tình hình chung là sức mạnh của chúa Nguyễn ngày một mạnh lên trong việc mở rộng lãnh thổ và thực thi chủ quyền của mình tại vùng đất mới, trong khi lãnh thổ của Chân Lạp càng thu hẹp lại, chính quyền Trung ương và địa phương ngày càng yếu và chịu sự phụ thuộc hoặc vào Xiêm La (Thái Lan) hoặc chúa Nguyễn (Việt Nam) tùy tình hình cụ thể của từng giai đoạn.

4) Rõ ràng việc tự dâng vùng Hà Tiên cho chính quyền chúa Nguyễn đã góp phần đẩy nhanh quá trình mở rộng lãnh thổ của chúa Nguyễn, để rồi đến năm 1757, về căn bản biên giới Tây Nam Việt Nam đã được xác lập. Chúng ta có thể đánh giá sự kiện này như thế nào? Có thể có những ý kiến khác nhau khi đánh giá về sự kiện này. Tuy vậy, theo chúng tôi, có thể nêu lên một số nhận xét. Có thể thấy, theo lô gích của sự vận động lịch sử, trong xu hướng phát triển của mình các chúa Nguyễn cần mở rộng lãnh thổ để có thêm nguồn lực vật chất và tinh thần trong việc đối đầu với chúa Trịnh. Đó là mục tiêu, là khát vọng mà các triều đại phong kiến trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình thường thực hiện, khi có những điều kiện cho phép. Trước thế kỷ XVII, vùng đồng bằng sông Cửu Long, trên danh nghĩa thuộc quyền quản lý của Chân Lạp, nhưng trên thực tế Chân Lạp không đủ sức và chưa bao giờ thực thi quyền quản lý của mình, nên năm tháng trôi đi vùng này là một vùng hoang vu, không có những điều kiện thuận lợi cho con người sinh sống và khai thác các nguồn lợi tự nhiên. Sự có mặt ngày càng đông của người Việt sau đó là

người Hoa ở vùng Đồng Nai - Gia Định, mà còn ở Hà Tiên, nơi Mạc Cửu cai quản, thậm chí còn ở Phnôm Pênh (Campuchia) và Ayuthia (Xiêm La) không chỉ góp phần củng cố vị thế của người Việt ở vùng đất mới, mà còn góp phần mở rộng lãnh thổ ra các khu vực khác. Đồng thời các chúa Nguyễn cũng từng bước xác lập chủ quyền (có bộ máy quản lý xã thôn, đất đai, thu thuế), tạo những thuận lợi cho người nông dân khai phá, hình thành những điểm cư trú (các làng xã). Chính sự lớn mạnh đó của chúa Nguyễn đã tạo ra những ảnh hưởng to lớn không chỉ trong một giới hạn những nơi có người Việt cư trú, mà còn ảnh hưởng lan xa, tới những nơi, mà có thể số lượng người Việt chiếm một tỷ lệ khiêm tốn so với các cộng đồng cư dân khác. Mặt khác cũng phải thấy một tình hình thực tế là Chân Lạp, sau giai đoạn phát triển cực thịnh nhất, đã bước sang giai đoạn suy tàn, dẫn đến lãnh thổ bị thu hẹp, nội bộ chia rẽ. Trong nội bộ của Chân Lạp có thể lực muốn dựa hẳn vào chúa Nguyễn, có thể lực, trái lại muốn chạy theo vua Xiêm (Thái Lan). Các lực lượng đối địch luôn tìm cơ hội thuận lợi để thôn tính, tiêu diệt lẫn nhau. Chính điều đó làm cho Chân Lạp ngày càng suy yếu, lãnh thổ thu hẹp lại. Tất cả những điều vừa trình bày trên, có thể coi là những yếu tố khách quan thuận lợi cho việc mở rộng lãnh thổ của các chúa Nguyễn. Tuy nhiên, quá trình mở rộng lãnh thổ đó không thể diễn ra nhanh mà phải kéo dài thời gian, vì bản thân chính quyền các chúa Nguyễn cũng như cộng đồng cư dân người Việt không đủ nguồn lực để khai hoang lập làng và bảo vệ những thành quả đã đạt được. Thực tế lịch sử đã chỉ ra điều đó. Bởi vì, vào năm 1698 chúa Nguyễn đã xác lập chủ quyền của mình ở Đồng Nai - Gia Định, nhưng phải đến năm 1757 về căn bản mới xác định được biên giới Tây Nam Việt Nam, đã phải trải qua trên 50 năm, một khoảng thời gian không ngắn. Do vậy, ở một khía cạnh khác của vấn đề, việc Mạc Cửu, vào năm 1708 đã tự nguyện dâng vùng đất Hà Tiên thuộc quyền cai quản của mình, lại chịu sự thần phục

chúa Nguyễn đã góp phần đẩy nhanh quá trình xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn. Ở giai đoạn đầu, khi mới tới vùng Hà Tiên, nhận một chức quan để phụng sự Chân Lạp, rõ ràng Mạc Cửu muốn xây dựng một giang sơn riêng không phụ thuộc vào chính quyền Chân Lạp và đương nhiên càng không muốn phụ thuộc vào chúa Nguyễn. Nhưng trước sự suy yếu của Chân Lạp và sự tranh giành ảnh hưởng và quyền bính giữa chúa Nguyễn và Xiêm La đối với vùng đất này, Mạc Cửu không có cách nào khác hơn là phải đi tìm một chỗ dựa. Sự phát triển của vùng Đồng Nai - Gia Định, dưới sự tổ chức quản lý của chính quyền chúa Nguyễn đã có một ảnh hưởng nhất định, làm cho Mạc Cửu càng ngày càng nhận thấy muốn phát triển lực lượng trên vùng đất Hà Tiên nơi ông cai quản, không thể không dựa vào chính quyền chúa Nguyễn, không thể không đem toàn bộ vùng đất này về với chúa Nguyễn. Chính các yếu tố có tính khách quan về sự tồn tại và phát triển vùng Hà Tiên đã dẫn đến một quyết định có tính lịch sử của Mạc Cửu dâng vùng đất mà ông cùng với những lưu dân khác khai phá, xây dựng nên. Việc Mạc Cửu quyết định đem vùng đất Hà Tiên về với chúa Nguyễn cũng đồng thời xác nhận một thực tế là từ năm 1708 lãnh thổ của Đàng Trong dưới quyền cai quản của các chúa Nguyễn đã kéo dài đến tận mũi Cà Mau lên Hà Tiên ngày nay (trước năm 1820 là Hà Tiên). Sự kiểm soát vùng đất này, còn bao gồm cả những hải đảo ở biển Đông và biển Tây. Sau khi dâng đất vùng đất Hà Tiên và chịu thần phục chúa Nguyễn đã có những điều kiện cho Hà Tiên phát triển, hưng thịnh khiến cho nhiều thế lực trong triều đình Chân Lạp tìm đến cậy nhờ. Sử cũ có ghi lại, vào cuối năm 1755, chính vua Chân Lạp là Nặc Nguyên phải “chạy về Hà Tiên, nương tựa đô đốc Mạc Thiên Tứ”. Điều đó như là một minh chứng nói lên sự lớn mạnh của Hà Tiên sau khi được nhập vào lãnh thổ Đàng Trong. Cùng với chiều hướng đó là sự mở rộng và phát triển không ngừng của vùng Đồng Nai - Gia Định trung tâm hành chính - chính

trị, kinh tế và văn hóa được bắt đầu từ năm 1698, đã làm cho quá trình mở rộng, xác lập và thực thi chủ của chúa Nguyễn tại Nam Bộ ngày nay, tiến triển nhanh. Tuy vậy, chính quyền của các chúa Nguyễn cùng với sự nỗ lực của người dân là rất lớn, nhưng phải đến năm 1757 về cơ bản mới hoàn thành được công việc đầy ý nghĩa này..

5) Vùng Hà Tiên trở thành một phần lãnh thổ của Việt Nam vào năm 1708 đã góp sức không nhỏ vào việc mở rộng, thực thi và bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn tại vùng đất thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Sự kiện đó có thể so sánh với sự kiện năm 1698, khi chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai, lập bộ máy hành chính, tổ chức quản lý vùng đất này, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho toàn bộ vùng Đồng Nai - Gia Định. Lịch sử luôn diễn ra khách quan, phát triển theo một lô gích, mà nhiều khi không dự báo được. Cũng vì vậy không thể đặt vấn đề là nếu sự kiện năm 1698 hay năm 1708 diễn ra sớm hơn (hay muộn hơn), thì diễn tiến của vùng Nam Bộ này sẽ ra sao? Bởi thực tế lịch sử đã diễn ra như vậy. Nhưng có điều dễ nhận thấy trong suốt một khoảng thời gian dài, các chúa Nguyễn đã biết khai thác một cách triệt để những yếu tố khách quan thuận lợi (mà ở đây là sự suy tàn, chia rẽ của vương triều Chân Lạp, về việc hầu như không thực thi chủ quyền của Chân Lạp tại vùng đất này, để hoang tàn) để mở rộng và hợp thức hóa quá trình khai chiếm đất đai và hợp thức hóa chủ quyền của mình. Cùng với việc mở rộng và thực thi chủ quyền là chính sách di dân, khai hoang lập làng, để không chỉ trên danh nghĩa của việc mở rộng và thực thi chủ quyền, mà là cơ sở của việc thực thi thật sự quyền làm chủ của chúa Nguyễn. Đây là một chính sách hết sức khôn khéo của chúa Nguyễn, trong bối cảnh vùng đất có chủ quyền, nhưng trên thực tế lại không thực thi được chủ quyền một cách đầy đủ. Nhờ một chính sách như vậy, nên trải qua gần 60 năm toàn bộ vùng Nam Bộ không chỉ hoàn toàn thuộc quyền cai quản

của chúa Nguyễn, mà điều quan trọng hơn là sau hơn 10 thế kỷ hoang tàn, bằng mồ hôi, công sức và cả xương máu của các thế hệ người Việt, người Hoa, người Khmer, người Chăm, trong đó vai trò của người Việt là hết sức quan trọng, vùng đất này đã được đánh thức và bước vào thời kỳ mới của sự phát triển. Nhân tố góp phần làm nên những thành tựu đó là sự đoàn kết, tương thân của những

người cùng chung một hoàn cảnh và cao hơn là một vận mệnh lịch sử đã không ngừng phát huy những giá trị nhân văn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vùng đất, bảo vệ những thành quả mà các thế hệ người Việt, người Khmer, người Hoa, người Chăm và các tộc người khác đã vì sự tồn tại và phát triển của vùng đất này.

*

HA TIEN REGION AND THE TERRITORIAL EXPANSION,
THE ESTABLISHMENT AND ENFORCEMENT OF THE SOVEREIGNTY
OF THE NGUYEN LORDS IN THE SOUTH

Ngo Van Le

University of Social Sciences and Humanities –
Vietnam National University - Ho Chi Minh City

ABSTRACT

In the process of expanding the southern territory of the Vietnam, each event at the new land, makes a significant contribution to that expansion, and helps to establish and enforce the sovereignty of the Nguyen Lords. The land of Ha Tien is one of the regions contributing very positively and effectively in the process of enlarging the territory, establishing and enforcing the sovereignty of the Nguyen Lords in the new land. There have been many articles referring to this event. Our paper, once again analyze the role of Ha Tien in the expansion, establishment and enforcement of sovereignty of the Nguyen Lords in the south. Besides, the fact is that the communities living in the territory of Vietnam have made certain contributions during the land expansion. Not until now, after several centuries of plesiobiosis and difficulty sharing during the process of building and maintaining the state, closed relations were formed; but in contrast, a sense of a united community was created in the early days of expanding land

Keywords: territory, establish sovereignty, sovereignty enforcement

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Giàu và các tác giả, *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 1: *Lịch sử*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1987.
- [2] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, NXB Thế giới, 2008.
- [3] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, NXB Thế giới, 2009.
- [4] Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn, 1969.
- [5] Huỳnh Lứa, *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, NXB Khoa học Xã hội, 2000.
- [6] Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Trẻ, 1997.
- [7] Lương Ninh, *Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và Văn hóa*, Viện Văn hóa và NXB Văn hóa Thông tin, 2005.
- [8] Lương Ninh, *Nước Phù Nam*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2009.
- [9] Chu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký* (Hà Văn Tấn dịch), NXB Thế giới, 2006.
- [10] Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, *Vấn đề người Khmer đồng bằng sông Cửu Long* (Báo cáo chuyên đề), 2003.